

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ giáo dục quốc dân;

Trường TH, THCS và THPT Tre Việt thực hiện xây dựng Kế hoạch công khai trong năm học 2023-2024 như sau.

I. Mục tiêu thực hiện công khai:

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. Nguyên tắc thực hiện công khai:

- Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thông tin được công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo và trên trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. Nội dung thực hiện:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế



a. **Cam kết chất lượng giáo dục:** Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà các cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và nhà trường, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở các cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09).

b. **Chất lượng giáo dục thực tế:** Số học sinh học 2 buổi/ ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số đối với trường TH, THCS và THPT Tre Việt (Biểu mẫu 10).

c. **Kiểm định nhà trường:** công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a. Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 11)

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng, hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, cho hội họp, chi hội thảo, chi thăm quan học tập, mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị...

IV. Hình thức công khai

- Công khai trong các kỳ họp, đại hội cha mẹ học sinh, hội nghị người lao động.
- Công khai khi kết thúc năm học đảm bảo đầy đủ, chính xác và được cập nhật khi có sự thay đổi.

V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, của cơ quan ban ngành.
- Công bố công khai trong các cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường, bảng tin thông báo của nhà trường....

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai của trường TH, THCS và THPT Tre Việt năm học 2023-2024.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tân Kiệt



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
TRE VIỆT

Số: 84/QĐ-TV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành quy chế công khai trường TH, THCS và THPT Tre Việt Năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TRE VIỆT

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 18 tháng 06 năm 2021 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép đổi tên Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nhân Việt thành Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tre Việt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế công khai tại trường TH, THCS và THPT Tre Việt gồm 03 chương và 07 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hiệu trưởng, Cán bộ, nhân viên, phòng, ban, tổ chuyên môn, người lao động chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



Nguyễn Tân Kiệt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2023

QUY CHẾ

CÔNG KHAI TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TRE VIỆT

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai của trường TH, THCS và THPT Tre Việt thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người lao động và phụ huynh trường TH, THCS và THPT Tre Việt chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2: Mục tiêu thực hiện công khai:

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Điều 3: Nguyên tắc thực hiện công khai:

- Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.
- Thông tin được công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo và trên trang thông tin điện tử theo quy định tại trường TH, THCS và THPT Tre Việt phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.



Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4: Nội dung thực hiện:

- 1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**
 - a. **Cam kết chất lượng giáo dục:** Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà các cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và nhà trường, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở các cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09).
 - b. **Chất lượng giáo dục thực tế:** Số học sinh học 2 buổi/ ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số đối với trường TH, THCS và THPT Tre Việt (Biểu mẫu 10).
 - c. **Kiểm định nhà trường:** công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.
- 2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường**
 - a. Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 11)
 - b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:
Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).
Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhận viên được đào tạo, bồi dưỡng, hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.
- 3. Công khai thu chi tài chính:**

Thực hiện công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, cho hội họp, chi hội thảo, chi thăm quan học tập, mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị...

Điều 5: Hình thức công khai

- Công khai trong các kỳ họp, đại hội cha mẹ học sinh, hội nghị người lao động.
- Công khai trên công thông tin điện tử của nhà trường.
- Công khai khi kết thúc năm học đảm bảo đầy đủ, chính xác và được cập nhật khi có sự thay đổi.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6: Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, của cơ quan ban ngành.
- Công bố công khai trong các cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường, bảng tin thông báo của nhà trường....

Điều 7: Trách nhiệm của Cán bộ, nhân viên, tổ chuyên môn trong nhà trường:

- Cán bộ, nhân viên, tổ chuyên môn trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện tốt quy chế này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN

Về việc công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024

I. Thời gian: 09 giờ ngày 6...tháng 9.. năm 2023

II. Địa điểm: tại văn phòng điều hành của Trường TH, THCS và THPT Tre Việt

III. Thành phần:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tân Kiệt	Hiệu trưởng
2	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Phó Hiệu trưởng
3	Bà Phạm Thị Thùy Dương	Phó Hiệu trưởng
4	Ông Huỳnh Tân Hạnh	Chủ tịch công đoàn
5	Bà Lê Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng
6	Bà Phạm Thị Loan	Thư ký

IV. NỘI DUNG

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của trường TH, THCS và THPT Tre Việt căn cứ theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm 2023-2024;
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2022-2023 của trường TH, THCS và THPT Tre Việt;
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường TH, THCS và THPT năm học 2023-2024;
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường TH, THCS và THPT Tre Việt;

2. Địa điểm công khai: Bảng thông báo tại nhà trường; website nhà trường.....

Biên bản được lập xong vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày và được đọc cho các thành phần tham dự nghe và thống nhất ý kiến.

THƯ KÝ



Phạm Thị Loan

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tân Kiệt

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Lê Thị Thủy Tiên

Phạm Thị Thùy Dương

Nguyễn Xuân Tiến

-Huỳnh Tân Hạnh



Biểu mẫu 05

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trường TH, THCS VÀ THPT TRE VIỆT

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2018.	Thực hiện	Chương trình	giáo dục phổ	thông cấp tiểu
						học đã được
						Bộ Giáo dục
						và Đào tạo
						ban hành theo
						Quyết định số
						16/2006/QĐ-
						BGDĐT ngày
						05/05/2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phối hợp thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh: qua số liên lạc; thư điện tử; điện thoại, gặp trực tiếp. - Họp Cha Mẹ học sinh định kỳ 3 lần / năm <p>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, chính trực, yêu thương, khát vọng - Thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. - Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. - Rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. - Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham 				

		<p>gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh; hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng tự bảo vệ,... thực hiện sinh hoạt ngoại khóa theo chủ đề chủ điểm.</p>
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực phẩm chất Lẽ phép, tích cực, năng động. 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học Đảm bảo vệ sinh An toàn thực phẩm cho học sinh 100% học sinh được khám sức khỏe ban đầu vào đầu năm học. 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.</p>
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<p>Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp để duy trì sĩ số học sinh trong năm tại nhà trường. 100% học sinh lê lớp. Học sinh có đủ khả năng học tiếp tục lên các lớp, cấp học cao hơn.</p>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6... tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Tân Kiệt

Biểu mẫu 06

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trường TH, THCS VÀ THPT TRE VIỆT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	163	75	23	32	17	16
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	163	75	23	32	17	16
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Năng lực						
1.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	92.4	96	87	90.6	88.2	100
1.2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7.6	4.0	13	9.4	11.8	
1.3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Phẩm chất						
2.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95.1	100	100	96.9	88.2	87.5
2.2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4.9			0.1	11.8	12.5
2.3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	51.3	70.7	60.9	46.9	47.1	31.3
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	42.1	22.7	34.8	43.8	52.9	56.2
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	6.6	6.7	4.3	9.3	0	12.5
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100	100
a	Trong đó: a HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Kiết

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TRE VIỆT

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Khối lớp THCS				Khối lớp THPT		
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	-Tốt nghiệp Tiểu học - Độ tuổi từ 11 tuổi - Đủ hồ sơ hợp lệ	Hoàn thành chương trình lớp 6	Hoàn thành chương trình lớp 7	Hoàn thành chương trình lớp 8	Tốt nghiệp THCS	Hoàn thành chương trình lớp 10	Hoàn thành chương trình lớp 11
II	Chương trình giáo dục mà cơ	Chương trình giáo dục bậc trung học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Sở giáo dục	Chương trình giáo dục bậc THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Sở giáo dục và Đào					

	sở đang thực hiện	và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và phòng Giáo dục và Đào tạo.	tạo Thành phố Hồ Chí Minh và phòng Giáo dục và Đào tạo.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình;	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên trao đổi phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường thông qua các phương tiện: điện thoại, số liên lạc điện tử, website... - HS thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của nhà trường. - 100% HS học tập chuyên cần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của ban đại diện CMHS theo đúng quy định: Thông tin trao đổi giữa Nhà trường và Gia đình thường xuyên định kỳ, họp ban đại diện CMHS và ban đại diện CMHS của trường 03 lần/năm. Ban đại diện CMHS đúng, đủ cơ cấu thành phần theo đúng quy định. - Nhà trường kết hợp chặt chẽ với ban đại diện CMHS của trường và của các lớp; với gia đình HS để thực hiện tốt công tác giáo dục HS trong và ngoài nhà trường. - Học sinh cần tích cực, tự giác, có ý thức học tập, chấp hành tốt nội qui trường, lớp; hăng hái, nhiệt tình trong các hoạt động tập thể, đoàn kết, giúp đỡ bạn. Giữ gìn và phát huy truyền thống của nhà trường.
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động, tích cực trong học tập	

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động ngoài giờ lên lớp học sinh được trải nghiệm, sáng tạo, giáo dục giới tính, nghiên cứu khoa học kỹ thuật. - Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động chuyên đề thông qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần. - Tổ chức cho HS tham quan dã ngoại ít nhất 1 lần/ 1 năm. - Giao lưu với các tổ chức chính trị xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt Đoàn, Hội LHTN và các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... - Tổ chức các tiết học ngoài lớp học, các hoạt động trải nghiệm, dạy học chủ đề STEM, hoạt động nghiên cứu khoa học ... - Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi sinh hoạt tìm hiểu về An toàn giao thông, thanh niên với tình bạn đẹp, thanh niên tìm hiểu về bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất kinh thích ... - Tổ chức các hoạt động định hướng nghề nghiệp.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Hạnh kiểm khá, tốt từ 98-99 %. - Học sinh lên lớp thắng >95 %. - Học sinh lên lớp sau thi lại 100 %. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hạnh kiểm xếp loại Khá, Tốt chiếm từ 95% trở lên. - Học lực xếp loại từ TB trở lên chiếm trên 85%.

	của học sinh dự kiến đạt được					<ul style="list-style-type: none"> - Sức khỏe: Tốt - Phản ánh 100% học sinh được lên lớp sau thi lại; Tỷ lệ học sinh đạt Giỏi – Khá trên 85%; Không có học sinh Yếu, Kém, 100% học sinh tốt nghiệp THPT QG 	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỉ lệ lên lớp 100%, tiếp tục học lên lớp 7	Tỉ lệ lên lớp 100%, tiếp tục học lên lớp 9	Tỉ lệ lên lớp hoàn thành tốt nghiệp, tỷ lệ thi tuyển vào 10 đạt 100%	Tỉ lệ lên lớp 100%, tiếp tục học lên lớp 11	Tỉ lệ học sinh thi Nghề phổ thông đạt 100%. Tỉ lệ lên lớp 100%, Tiếp tục học lên lớp 12	Tỉ lệ hoàn thành lớp 12, thi tốt nghiệp THPT 100%. Tiếp tục học lên Đại học, Cao

THÀNH NGHỆ
SƠ SÓ VÀ Ô THÔNG
TẾ HNINH

								dâng hoặc học nghề
--	--	--	--	--	--	--	--	-----------------------------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Kiệt



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TRE VIỆT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1600	22	11		9	692	416	452
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1447 (90.44%)	22 (100%)	11 (100%)		7 (100%)	604 (87.28%)	356 (85.58%)	447 (98.89%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	119 (7.44%)					67 (9.68%)	47 (11.30%)	5 (1.11%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	34 (2.13%)					21 (2.31%)	13 (2.40%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)								
II	Số học sinh chia theo học lực	1600	22	11		9	692	416	452
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	929 (58.06%)	15 (68.18%)	8 (72.73%)		3 (42.86%)	389 (56.21%)	203 (48.80%)	311 (68.81%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	589 (36.81%)	4 (18.18%)	3 (27.27%)		4 (57.14%)	262 (37.86%)	176 (42.31%)	140 (30.97%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	82 (5.13%)	3 (13.64%)				41 (5.52%)	36 (8.65%)	1 (0.22%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)								
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)								
III	Tổng hợp kết quả cuối năm								
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1600 (99.75%)	22 (100%)	11 (100%)		9 (100%)	692 (100%)	416 (100%)	452 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	929 (58.06%)	15 (68.18%)	8 (72.73%)		3 (42.86%)	389 (56.21%)	203 (48.80%)	311 (68.81%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	589 (36.81%)	4 (18.18%)	3 (27.27%)		4 (57.14%)	262 (37.86%)	176 (42.31%)	140 (30.97%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)								
3	Lưu ban								



TRƯỜNG
TIỂU HỌC
VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRE VIỆT

	(tỷ lệ so với tổng số)							
4	Chuyển trường đến/dì (tỷ lệ so với tổng số)		04 /01			30/14	47/20	41/14
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)							
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)							
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi							
1	Cấp huyện							
2	Cấp tỉnh/thành phố							
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế							
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp							
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				9			443
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)							
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)							
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)							
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)							
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ							
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	18	1			14	2	1

....., ngày 31 tháng 8. năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Kiết

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TRE VIỆT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	79	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	79	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhở	0	-
5	Số phòng học bộ môn	14	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0	-
8	Bình quân học sinh/lớp	26	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	9.624	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	990	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	45	
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	46.8	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	1	
1.4	Khối lớp 10,11,12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		



3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Tivi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/dầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...		
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Tivi	78	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/dầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	79	
5	Thiết bị khác...		
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	700

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		28		20
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDDT ngày 28/2/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Tân Kiệt



THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	204	-	12	171	10	9	2	-	-	-	-	-	-	-
I	Giáo viên	135	-	10	123	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	19		2	17										
2	Lý	9		2	7										
3	Hóa	6			6										
4	Văn	14			14										
5	Tiếng Anh	16		2	13	1									
6	Sinh	5		1	4										
7	Tin	7			7										
8	Sử	6			6										
9	Địa	10		2	8										
10	QPAN	3			3										
11	Kỹ năng sống	3			3										
12	GDCD	4			4										
13	GDTC	6		1	5										
14	Âm nhạc	2			1	1									
15	Mỹ thuật	2			2										
16	Giáo viên tiêu học	23			23	-									
II	Cán bộ quản lý	3	-	-	3										
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng	2			2										
III	Nhân viên	66	-	2	45	8	9	2	-	-	-	-	-	-	-
1	Nhân viên văn thư	3			2	1									
2	Nhân viên kế toán	6			3	3									
3	Thủ quỹ	3			3										
4	Nhân viên y tế	4					4								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	-													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyệt tật	-													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
9	Chuyên viên TVTS	6			6										
10	Giám thị	7			7										
11	Trưởng phòng	7			7										
12	Ban Điều hành	3		1	2										
13	Nhân viên khác	25		1	14	3	5	2							

